TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ GÒ CÔNG** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 116/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 27-6-2022
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GÒ CÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Công Triều.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Phạm Danh Hiếu; bà Trần Thị Kim Duyên.

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Hoàng Long - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Gò Công.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công tham gia phiên toà: bà Nguyễn Trường Bảo Vy, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2022, tại Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 64/2022/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 3 năm 2022, về tranh chấp "*Ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: anh Nguyễn Minh S, sinh năm 1968; (Xin vắng mặt)
Địa chỉ: Số 28 Đ, khu phố H, Phường B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn*: chị Trần Huỳnh Anh T, sinh năm 1980; (Vắng mặt)
Địa chỉ: Số 29 Đ, khu phố H, Phường B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn trình bày: qua tìm hiểu, anh và chị Trần Huỳnh Anh T tiến đến hôn nhân năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, thị xã G năm 2004. Quá trình chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống và đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Do nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục, anh yêu cầu được ly hôn với chị T.

Về con chung: có một người con chung tên Nguyễn Thị Kim T, sinh ngày 20/7/2001, đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận.

Về nợ chung: không có.

Chị Trần Huỳnh Anh T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án

xin ly hôn của anh S, nhưng không có ý kiến gì và vắng mặt trong các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, nên không lấy lời khai và hòa giải được.

Tại phiên tòa:

- Anh Nguyễn Minh S có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Chị Trần Huỳnh Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền theo quy định đối với những người tiến hành tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các điều 51, 56 và 57 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị chấp nhận yêu cầu của anh S được ly hôn với chị T; Về con chung đã trưởng thành nên không xem xét; Về tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có nên không xem xét; Về án phí sơ thẩm thì anh S được miễn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Minh S khởi kiện xin ly hôn chị Trần Huỳnh Anh T có nơi cư trú khu phố H, Phường B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang nên Tòa án nhân dân thị xã Gò Công thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Chị Trần Huỳnh Anh T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham dự phiên tòa, nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng, anh S có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án: Hội đồng xét xử xét thấy, chị Trần Huỳnh Anh T và anh Nguyễn Minh S tiến đến hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, nên quan hệ hôn nhân giữa hai người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Anh S và chị T sống chung từ năm 2000. Vợ chồng sống hạnh phúc thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau và đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Trong quá trình giải quyết, chị T đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án xin ly hôn của anh S, nhưng chị T không có ý kiến gì và vắng mặt trong các buổi hòa giải. Điều này chứng tỏ tình cảm của chị T đối với anh S đã không còn, mâu thuẫn giữa hai người đã trầm trọng và vợ chồng đã không còn sống chung từ năm 2017. Xét thấy hôn nhân của anh S và chị T lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, việc anh S xin ly hôn chị T là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.1] Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống chị T và anh S có một người con chung tên Nguyễn Thị Kim T, sinh ngày 20/7/2001, đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.2] Về quan hệ tài sản chung: Anh S xác định tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về nợ chung: Anh S xác định không có, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung trong thời kỳ hôn nhân thì chị T và anh S vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, anh Nguyễn Minh S là người khuyết tật và có đơn xin miễn án phí. Hội đồng xét xử chấp nhận miễn án phí sơ thẩm cho anh S.

[4] Các đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật và phù hợp với những nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH.14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Minh S.

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Minh S được ly hôn với chị Trần Huỳnh Anh T.

Về án phí sơ thẩm: Anh Nguyễn Minh S được miễn án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công;
- Chi cục thi hành án dân sự thị xã Gò Công;
- UBND Phường B, thị xã G;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Công Triều